

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN PHÙ CÁT, TỈNH BÌNH ĐỊNH**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 19/2023/DS-ST

Ngày: 18/9/2023

V/v: "Tranh chấp thừa kế tài sản"

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN PHÙ CÁT, TỈNH BÌNH ĐỊNH

- *Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:*

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Ngô Đình Quyền.

Các Hội thẩm nhân dân: 1. Bà Huỳnh Thị Tuyết Mai;
2. Bà Nguyễn Thị Dung.

- *Thư ký ghi biên bản phiên tòa:* Bà Nguyễn Hoàng Hoài Thư – Thư ký
Tòa án nhân dân huyện Phù Cát, tỉnh Bình Định.

- *Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Phù Cát, tỉnh Bình Định tham gia phiên tòa:* Ông Bùi Trường Viên – Kiểm sát viên.

Ngày 18 tháng 9 năm 2023, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Phù Cát, tỉnh Bình Định xét xử sơ thẩm công khai vụ án dân sự thụ lý số: 10/2023/TLST-DS ngày 08 tháng 3 năm 2023, về việc: "Tranh chấp thừa kế tài sản"; theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 24/2023/QĐXXST-DS ngày 21 tháng 8 năm 2023 và Quyết định hoãn phiên tòa số 14/2023/QĐST-DS ngày 06 tháng 9 năm 2023 giữa các đương sự:

- *Nguyên đơn:* Ông **Lê Anh D**; sinh năm 1972 (*vắng mặt*).

Địa chỉ: 64A G-D, P. T-B, Tp. Th-Đ, TP. HCM.

Nơi đăng ký HKTT: Thôn Ph-G, xã C-Th, huyện Ph-C, tỉnh B-Đ.

Người đại diện hợp pháp của ông Lê Anh D: Bà Nguyễn Thị Ngọc Ch; sinh năm 1945; địa chỉ: 53 L-Th-R, phường H-Ph, Tp. P, tỉnh GL (Theo văn bản ủy quyền ngày 03/4/2023) (*có mặt*).

- *Bị đơn:* Ông **Lê Anh D**; sinh năm 1968 (*vắng mặt*).

Địa chỉ: 48/01/02 G-D, P. T-B, Tp. Th-Đ, TP. HCM.

Nơi ĐKKHKT: 481 Ng-V-X, phường. H-Ph, Tp. P, tỉnh G-L.

Người đại diện hợp pháp của ông Lê Anh D: Bà Huỳnh Thị S; sinh năm: 1974; địa chỉ: 481 Ng-V-X, phường. H-Ph, Tp. P, tỉnh G-L. (Theo văn bản ủy quyền ngày 12/9/2023 - *có mặt*).

- *Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:*

1. Bà **Nguyễn Thị Ngọc Ch**; sinh năm 1945 (*có mặt*)

Địa chỉ: 53 L-Th-R, phường H-Ph, Tp. P, tỉnh GL.

2. Bà **Lê Thị Ngọc D1**; sinh năm 1970 (*có mặt*).

Địa chỉ: 53 L-Th-R, phường H-Ph, Tp. P, tỉnh GL.

Người đại diện hợp pháp của bà Lê Thị Ngọc D1: Bà Nguyễn Thị Ngọc Ch; sinh năm 1945; 53 L-Th-R, phường H-Ph, Tp. P, tỉnh GL. (Theo văn bản ủy quyền ngày 03/4/2023) (*có mặt*).

NỘI DUNG VỤ ÁN:

** Theo đơn khởi kiện ghi ngày 06/10/2022 và các lời khai tiếp theo, nguyên đơn ông Lê Anh Đ, người đại diện hợp pháp của ông Đ là bà Nguyễn Thị Ngọc Ch tham gia phiên tòa trình bày:*

Bà Nguyễn Thị Ngọc Ch và cụ Lê Công N (chết ngày 30/8/2021) là vợ chồng. Trong thời kỳ hôn nhân, vợ chồng cụ N tạo lập khối tài sản chung là ngôi nhà cấp 4 diện tích xây dựng 114,5m², gắn liền với thửa đất số hiệu 86, tờ bản đồ số 38, diện tích 320m², được UBND huyện Phù Cát cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất vào năm 1996; ngày 12/11/2014 được UBND huyện Phù Cát cấp đổi GCN quyền sử dụng đất ghi nhận 325,3m² (diện tích đo đạc thực tế là 321,3m², trong đó có 200m² đất ở, 121,3m² đất vườn) tại thôn Ph-G, xã C-Th, huyện Ph-C, tỉnh Bình Định. Ngoài ra, hộ gia đình cụ N được Nhà nước cân đối giao quyền sử dụng đất sản xuất gồm các thửa đất: thửa đất số hiệu 537, tờ bản đồ số 10, diện tích 435,9m²; thửa đất số hiệu 45, tờ bản đồ 13, diện tích 859,3m²; thửa đất số hiệu 48, tờ bản đồ số 13, diện tích 506m² (các thửa đất này đã được gia hạn quyền sử dụng đất, cấp mới giấy chứng nhận quyền sử dụng đất theo từng thửa, thời hạn sử dụng đến tháng 10/2063). Riêng thửa đất số hiệu 866, tờ bản đồ số 7, diện tích 1.050m²- 1995 (nay là thửa 373, tờ bản đồ 13, diện tích 1.308,3m²-Vlap) chưa được gia hạn quyền sử dụng đất.

Vợ chồng cụ N có 03 người con chung, gồm: ông Lê Anh D; bà Lê Thị Ngọc D1 và ông Lê Anh Đ.

Năm 2001 vợ chồng cụ N tổ chức họp nội bộ gia đình để bàn bạc, thống nhất chia tài sản cho các con: Vì anh D là con trai lớn nên vợ chồng cụ N có ý định giao ngôi nhà gắn liền thửa đất nêu trên cho ông D sở hữu; còn lại 60 chỉ vàng y thì chia cho ông Đ để ông Đ dùng số vàng này mua ngôi nhà khác ở. Thời điểm này bà D1 đã lập gia đình riêng và không đòi hỏi chia chác gì tài sản của cha mẹ. Ông D đã thống nhất nhận ngôi nhà, nhưng vợ chồng cụ N chưa kịp làm giấy tờ để chuyển quyền sở hữu, sử dụng cho ông D thì đến năm 2002 ông D đổi ý. Ông D xin nhận 60 chỉ y để vợ chồng ông lên G-L dùng số vàng này chi phí cho việc xây dựng ngôi nhà 481 Ng-V-X, phường. H-Ph, Tp. P, tỉnh G-L mà vợ chồng ông D đã mua đất trước đó. Để tránh việc anh em trong gia đình có tranh chấp sau khi vợ chồng cụ N qua đời, năm 2013 cụ N ở nhà lập tờ di chúc viết tay. Thời điểm này bà Ch đang mua bán đồng nát tại TP. Hồ Chí Minh. Sau đó bà Ch về nhà thì bà và cụ N đem tờ di chúc đến UBND xã C-Th, huyện Ph-C

yêu cầu chứng thực di chúc. Ngày 24/10/2013, trước mặt Chủ tịch UBND xã C-Th, huyện Ph-C là ông Nguyễn Hồng Th, bà và cụ N đã ký, điểm chỉ vào nội dung di chúc. Sau khi kiểm tra tinh thần minh mẫn của vợ chồng cụ N và hỏi kỹ các thông tin liên quan đến tờ di chúc, Chủ tịch UBND xã C-Th ký chứng thực nội dung di chúc. Ngày 30/8/2021 cụ N qua đời do bị bệnh dịch covid-19. Cuối năm 2022 bà Ch và ông Đ về quê để làm thủ tục chuyển quyền sở hữu nhà gắn liền thửa đất nêu trên cho ông Đ thì ông Đ đứng ra ngăn cản.

Nay bà Ch đại diện theo ủy quyền của ông Lê Anh Đ, bà Lê Thị Ngọc D1 và là người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan trong vụ án, yêu cầu Tòa án xem xét, giải quyết chia thừa kế tài sản của cụ N theo tờ di chúc lập ngày 24/9/2013, được UBND xã C-Th, huyện Ph-C chứng thực ngày 24/10/2013. Cách chia: Bà yêu cầu Tòa án giao ngôi nhà có diện tích xây dựng $114,5m^2$, gắn liền với thửa đất số hiệu 86, tờ bản đồ số 38, diện tích $321,3m^2$ (trong đó có $200m^2$ đất ở và $121,3m^2$ đất vườn) tại thôn Ph-G, xã C-Th, huyện Ph-C, tỉnh B-Đ cho ông Lê Anh Đ được quyền sở hữu, sử dụng. Đối với phần tài sản của bà đã định đoạt trong di chúc thì hiện nay bà còn sống nên bà tự nguyện tặng cho toàn bộ cho ông Đ được trọn quyền sở hữu, sử dụng.

Đối với các thửa đất trồng lúa, bà Ch yêu cầu Tòa án chia quyền sử dụng đất theo định suất đất sản xuất được Nhà nước cân đối giao cho từng nhân khẩu trong hộ bằng hiện vật. Phần định suất đất của bà thì bà tự nguyện tặng cho toàn bộ cho ông Đ được trọn quyền sử dụng.

** Theo bản tự khai, biên bản lấy lời khai ngày 03/4/2023 và các lời khai tiếp theo tại Tòa án, bị đơn ông Lê Anh D và người đại diện hợp pháp của ông Dũng là bà Huỳnh Thị S tham gia phiên tòa trình bày:*

Ông D thống nhất với lời trình bày của bà Ch về quan hệ huyết thống như bà Ch trình bày; cha mẹ ông không có con riêng hoặc con nuôi. Ông, bà nội của ông đều chết trước cụ Lê Công N.

Nguồn gốc ngôi nhà gắn liền với thửa đất số hiệu 86 tờ bản đồ 38, diện tích đo đạc thực tế $321,3m^2$ tại thôn Ph-G, xã C-Th, huyện Ph-C, tỉnh B-Đ là do vợ chồng cụ N tạo lập. Quá trình thực hiện chính sách về đất đai, vợ chồng cụ N đăng ký, kê khai và được UBND huyện Phù Cát cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất vào năm 1996 theo diện cân đối giao quyền sử dụng đất cho hộ gia đình, cá nhân sử dụng ổn định lâu dài vào mục đích sản xuất. Ngoài ngôi nhà gắn liền với thửa đất nêu trên, hộ gia đình cụ N còn được Nhà nước cân đối giao quyền sử dụng đất sản xuất như bà Ch trình bày trên là đúng.

Lúc cụ N còn sống, cha mẹ ông là người quản lý, sử dụng ngôi nhà gắn liền với thửa đất nêu trên. Tuy nhiên, phần lớn thời gian ngôi nhà này cha mẹ ông đóng cửa để vào thành phố HCM mua bán làm ăn, một năm chỉ về thăm nhà vài ba lần nhân những ngày giỗ chạp. Còn anh em ông cũng theo cha mẹ vào thành phố HCM, G-L để mua bán làm ăn, không có ai ở ngôi nhà này. Trước khi cụ N chết, chưa bao giờ cha mẹ ông tổ chức họp nội bộ gia đình để phân chia tài

sản cho các con; bản thân ông cũng chưa bao giờ được cha mẹ phân chia 60 chỉ vàng y 98% như bà Ch đã trình bày. Lý do gì cha mẹ ông lập tờ di chúc ghi ngày 24/9/2013, được Ủy ban nhân dân xã C-Th, huyện Ph-C chứng thực vào ngày 24/10/2013 thì ông hoàn toàn không biết gì về thông tin này. Ông chỉ biết đến tờ di chúc này vào cuối năm 2022, khi ông phát hiện bà Ch và ông Đ liên hệ UBND xã C-Th, huyện Ph-C để làm thủ tục chuyển quyền sở hữu nhà, quyền sử dụng đất đối với thửa đất nêu trên nên ông đã đứng ra ngăn cản và dẫn đến tranh chấp.

Nay ông Đ khởi kiện yêu cầu Tòa án chia thừa kế theo tờ di chúc do vợ chồng cụ N lập năm 2013 thì ông không chấp nhận. Bởi lẽ, khi lập di chúc cha mẹ ông không hỏi ý kiến của ông. Ông không đồng ý chia thừa kế ngôi nhà gắn liền với thửa đất nêu trên là vì nguyện vọng của ông muốn giữ lại ngôi nhà này làm nơi thờ cúng cha mẹ, ông bà và là nơi anh em tôi đi về những ngày giỗ chạp. Nếu Tòa án chia thừa kế tài sản của cụ N và quyền sử dụng đất của hộ gia đình thì ông yêu cầu chia 5 suất đều nhau, kể cả 200m² đất ở và ngôi nhà của cha mẹ ông để lại. Ông yêu cầu được nhận ngôi nhà gắn liền với thửa đất ở để làm nơi thờ cúng và có nghĩa vụ hoàn lại giá trị nhà, giá trị đất cho bà Ch, ông Đ và bà D1 theo biên bản định giá vào ngày 25/7/2023.

Đối với các thửa đất trồng lúa, ông yêu cầu Tòa án chia cho các định suất của hộ gia đình cụ N. Phần định suất của cụ N, ông yêu cầu chia thừa kế theo pháp luật. Ông yêu cầu Tòa án giao cho ông bằng quyền sử dụng đất chứ không nhận bằng tiền.

** Với tư cách là người đại diện hợp pháp của người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan bà Lê Thị Ngọc D1. Ý kiến của bà Ch về hướng giải quyết vụ án như sau:* Nếu di chúc của cụ N không hợp pháp thì bà yêu cầu Tòa án chia thừa kế theo pháp luật. Suất thừa kế của bà D1 được thừa hưởng và định suất đất sản xuất được chia cho từng nhân khẩu thì bà D1 tự nguyện tặng cho lại cho ông Đ được quyền sở hữu, sử dụng.

Tại phiên tòa, Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Phù Cát, tỉnh Bình Định phát biểu ý kiến việc tuân theo pháp luật của Thẩm phán, Hội đồng xét xử, việc chấp hành pháp luật của các bên đương sự kể từ khi thụ lý đến trước thời điểm HĐXX nghị án là đúng theo qui định của pháp luật tố tụng dân sự.

Về hướng giải quyết vụ án: Kiểm sát viên đề nghị Hội đồng xét xử áp dụng các Điều 628, 630 và 635 của Bộ luật dân sự - 2015, xem xét chấp nhận yêu cầu khởi kiện của ông Lê Anh Đ, công nhận tờ di chúc do cụ N lập ngày 13/9/2013 là hợp pháp nên chia thừa kế tài sản của cụ N theo di chúc. Riêng đối với đất sản xuất, đề nghị Tòa án chia theo 05 định suất của hộ gia đình cụ Lê Công N.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra làm rõ

tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa, Hội đồng xét xử (HĐXX) nhận định:

[1] Nguyên đơn ông Lê Anh Đ khởi kiện ông Lê Anh D yêu cầu Tòa án xem xét, giải quyết chia thừa kế tài sản của cụ Lê Công N (chết năm 2021) theo tờ di chúc do cụ N viết tay, lập ngày 24/9/2013, được UBND xã C-Th, huyện Phù Cát chứng thực ngày 24/10/2013. Tài sản của cụ N để lại là một phần ngôi nhà gắn liền với thửa đất số hiệu 86, tờ bản đồ số 38, diện tích 320m² được UBND huyện Phù Cát cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất vào năm 1996; ngày 12/11/2014 được UBND huyện Phù Cát cấp đổi GCN quyền sử dụng đất ghi nhận 325,3m² (diện tích đo đạc thực tế là 321,3m², trong đó có 200m² đất ở, 121,3m² đất vườn) và các thửa đất trồng lúa tại thôn Ph-G, xã C-Th, huyện Ph-C, tỉnh B-Đ. Để chứng minh cho yêu cầu khởi kiện của mình là có căn cứ và hợp pháp, kèm theo đơn khởi kiện, ông Đ cung cấp cho Tòa án các tài liệu, chứng cứ: Tờ di chúc chung của vợ chồng do cụ Lê Công N lập ngày 24/9/2013, được UBND xã C-Th chứng thực ngày 24/10/2013; giấy chứng tử của cụ N và các tài liệu, chứng cứ liên quan đến việc giao đất, cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà và tài sản khác trên đất do UBND huyện Phù Cát cấp cho hộ gia đình cụ Lê Công N. Bị đơn ông Lê Anh D cho rằng, ông không biết gì về việc cha mẹ ông lập di chúc để định đoạt tài sản cho ông Đ. Việc cụ N, bà Ch lập di chúc nhưng không thông qua ý kiến của ông nên tờ di chúc không hợp pháp. Do vậy ông không đồng ý chia thừa kế tài sản của cụ N để lại. Nếu Tòa án chia thừa kế tài sản của cụ N để lại thì ông yêu cầu chia quyền sử dụng đất của hộ gia đình cụ N làm thành 05 phần đều nhau, kể cả ngôi nhà gắn liền 200m² đất ở thuộc thửa đất số hiệu 86, tờ bản đồ số 38, diện tích đo đạc thực tế là 321,3m² tại thôn Ph G, xã C-Th, huyện Ph-C, tỉnh B-Đ. Phần định suất nhà, đất chia cho cụ N được xác định là tài sản thừa kế của cụ N để lại thì ông yêu cầu Tòa án chia theo pháp luật. Ông yêu cầu được nhận ngôi nhà gắn liền với thửa đất nêu trên và hoàn lại giá trị bằng tiền cho bà Ch, ông Đ và bà D1. Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan bà Nguyễn Thị Ngọc Ch, bà Lê Thị Ngọc D1 thống nhất toàn bộ nội dung yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn. Phần quyền lợi của bà Ch và bà D thì các đương sự tự nguyện tặng cho ông Đ được trọn quyền sở hữu, sử dụng.

[2] Xét yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn, ý kiến phản bác của bị đơn, ý kiến của những người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan trong vụ án đối chiếu với các tài liệu, chứng cứ do các đương sự cung cấp và tài liệu chứng cứ do Tòa án thu thập được, Hội đồng xét xử xét thấy rằng: Nguồn gốc ngôi nhà cấp 4 diện tích xây dựng 114,5m², gắn liền với thửa đất số hiệu 86, tờ bản đồ số 38, diện tích 325,3m² (đo đạc thực tế là 321,3m²; trong đó có 200m² đất ở và 121,3m² đất trồng cây hàng năm khác) được UBND huyện Phù Cát cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà và tài sản khác gắn liền với đất vào năm 1996 (cấp đổi ngày 12/11/2014; số vào sổ cấp GCN: CH: 03774) được các bên đương sự thừa nhận là tài sản do vợ chồng cụ N tạo lập. Theo nội dung văn bản phúc đáp số 837/UBND-TNMT ngày 08/5/2023 của UBND huyện Phù Cát, tỉnh

Bình Định và văn bản phúc đáp số 82/UBND-ĐC ngày 11/5/2023 của UBND xã Cát Thắng, huyện Phù Cát thì hộ gia đình cụ N là hộ nông nghiệp, được Nhà nước cân đối giao quyền sử dụng đất sản xuất theo Nghị định số 64/CP ngày 27/9/1993 của Chính phủ cho 05 nhân khẩu gồm cụ Lê Công N, bà Nguyễn Thị Ngọc Ch, ông Lê Anh D, bà Lê Thị Ngọc D1 và ông Lê Anh Đ. Như vậy, ngoài diện tích đất sản xuất được Nhà nước cân đối giao cho 05 nhân khẩu là tài sản chung của hộ gia đình thì ngôi nhà gắn liền với 200m² đất ở được xác định là tài sản chung hợp nhất trong thời kỳ hôn nhân giữa vợ chồng cụ Lê Công N (chết năm 2021) và bà Nguyễn Thị Ngọc Ch. Ngày 24/9/2013 cụ N, bà Ch xác lập di chúc chung vợ chồng, định đoạt toàn bộ tài sản chung hợp nhất của vợ chồng cụ và quyền sử dụng đất sản xuất của các thành viên trong hộ gia đình cho ông Đ thừa hưởng. Xét tính hợp pháp của di chúc, HĐXX thấy rằng:

[2.1] Về hình thức và nội dung của di chúc: Theo nội dung biên bản xác minh ngày 22/5/2023 tại UBND xã Cát Thắng, huyện Phù Cát, tờ di chúc lập ngày 24/9/2013 được cụ N xác lập văn bản bằng chính chữ viết của mình. Ngày 24/10/2013, vợ chồng cụ N, bà Ch đem tờ di chúc đến UBND xã C-Th, huyện Ph-C yêu cầu chứng thực. Sau khi kiểm tra năng lực hành vi dân sự và quyền tự định đoạt tài sản, vợ chồng cụ N đã điểm chỉ vào mục người để lại di chúc, ký vào từng trang của di chúc trước mặt Cán bộ Tư pháp xã và Chủ tịch UBND xã C-Th, được UBND xã C-Th, huyện Ph-C ký chứng thực cùng ngày. Xét nội dung và hình thức của tờ di chúc là phù hợp với quy định tại khoản 1, khoản 3 Điều 631, các Điều 633, 635 của Bộ luật dân sự - 2015 nên tờ di chúc nêu trên là hợp pháp. Tuy nhiên, việc vợ chồng cụ N lập di chúc định đoạt toàn bộ tài sản chung hợp nhất của vợ chồng cụ và quyền sử dụng đất sản xuất của các thành viên trong hộ gia đình là xâm phạm đến quyền và lợi ích hợp pháp của ông D, bà D1. Do đó, nội dung tờ di chúc này bị vô hiệu một phần.

[2.2] Về hiệu lực của di chúc: Tờ di chúc do cụ N lập ngày 24/9/2013 là di chung của vợ chồng. Theo quy định tại Điều 668 Bộ luật dân sự - 2005 thì di chúc chung của vợ chồng có hiệu lực từ thời điểm người sau cùng chết hoặc thời điểm vợ, chồng cùng chết. Tuy nhiên, cụ N chết ngày 30/8/2021, thời điểm mở thừa kế là thời điểm Bộ luật dân sự - 2015 có hiệu lực thi hành, đã bãi bỏ quy định về di chúc chung của vợ chồng. Mặt khác, theo quy định tại Điều 664 Bộ luật dân sự - 2005 và Điều 640 của Bộ luật dân sự - 2015 thì hiện nay bà Ch vẫn còn sống nên bà có quyền sửa đổi, bổ sung, thay thế hoặc hủy bỏ di chúc trong phạm vi phần tài sản của mình bất cứ lúc nào. Bà Ch cũng là người được thừa kế tài sản của cụ N mà không phụ thuộc vào nội dung di chúc theo quy định tại Điều 669 của Bộ luật dân sự - 2005 và Điều 644 của Bộ luật dân sự - 2015. Vì vậy, di chúc phần của cụ N có hiệu lực kể từ thời điểm mở thừa kế (ngày 30/8/2021).

[3] Từ những nhận định trên, Tòa án chấp nhận một phần yêu cầu khởi kiện của ông Lê Anh Đ, chia thừa kế phần tài sản của cụ Lê Công N để lại theo di chúc như sau:

[3.1] Theo biên bản định giá tài sản ngày 25/7/2023, tổng giá trị ngôi nhà của vợ chồng cụ N và vật kiến trúc trên đất là: 74.474.996 đồng; giá trị đất ở theo giá thị trường là 200.000.000 đồng ($1.000.000 \text{ đồng/m}^2 \times 200\text{m}^2$). Tổng giá trị nhà và đất ở là 274.474.996 đồng; giá trị đất trồng cây hàng năm khác thuộc thửa đất số hiệu 86, tờ bản đồ số 38, diện tích đo đạc thực tế $121,3\text{m}^2$ theo giá thị trường là 500.000 đồng/m^2 ; giá trị các thửa đất trồng lúa của hộ gia đình cụ Nôm thuộc khu vực 1, hạng 2 có giá trị 82.000 đồng/m^2 .

[3.2] Chia quyền sử dụng đất sản xuất cho các thành viên của hộ gia đình cụ Lê Công N gồm: cụ Lê Công N (chết năm 2021), bà Nguyễn Thị Ngọc Ch, ông Lê Anh D, bà Lê Thị Ngọc D1 và ông Lê Anh Đ.

[3.2.1] Đối với đất trồng cây hàng năm khác thuộc thửa đất số hiệu 86, tờ bản đồ số 38, diện tích đo đạc thực tế $121,3\text{m}^2 : 5 \text{ suất} = 24,26\text{m}^2 \times 500.000 \text{ đồng/m}^2 = 12.130.000 \text{ đồng}$.

[3.2.2] Đối với đất trồng lúa: Tổng diện tích đất được Nhà nước cân đối giao cho hộ gia đình cụ N qua đo đạc thực tế là $2.851,2\text{m}^2 : 5 \text{ suất} = 570,24\text{m}^2 \times 82.000 \text{ đồng/m}^2 = 46.759.680 \text{ đồng}$.

[3.3] Chia tài sản chung hợp nhất của vợ chồng cụ N: $274.474.996 \text{ đồng} : 2 = 137.237.498 \text{ đồng}$.

[4] Như vậy, giá trị tài sản thừa kế của cụ N chết để lại được xác định tổng cộng là: $196.127.178 \text{ đồng} (12.130.000 \text{ đồng} + 46.759.680 \text{ đồng} + 137.237.498 \text{ đồng})$.

[4.1] Trước khi chết, ngày 24/9/2013 cụ N xác lập di chúc định đoạt toàn bộ tài sản của mình cho ông Lê Anh Đ được thừa hưởng. Di chúc nêu trên là hợp pháp một phần đối với phần tài sản của cụ N chết để lại nên phát sinh hiệu lực kể từ thời điểm mở thừa kế (ngày 30/8/2021). Lẽ ra, anh Đ được hưởng toàn bộ tài sản của cụ N chết để lại. Tuy nhiên, hiện nay vợ cụ N là bà Nguyễn Thị Ngọc Ch còn sống. Theo quy định tại khoản 1 Điều 644 của Bộ luật dân sự, bà Ch được hưởng $2/3$ suất của một người thừa kế theo pháp luật nếu di sản của cụ Nôm được chia theo pháp luật. Tại thời điểm mở thừa kế, những người thuộc diện hàng thừa kế thứ nhất của cụ N gồm: bà Ch, ông D, bà D1 và ông Đ cho nên nếu chia thừa kế theo pháp luật thì giá trị mỗi suất thừa kế mỗi người được nhận là: $49.031.794 \text{ đồng}$. Như vậy, bà Ch được hưởng thừa kế của cụ Nôm mà không phụ thuộc vào nội dung di chúc được xác định là: $49.031.794 \text{ đồng} \times 2/3 = 32.687.863 \text{ đồng}$.

[4.2] Tại phiên tòa, bà Ch xin được nhận thừa kế từ di sản của cụ N, nhưng bà Ch tự nguyện tặng cho toàn bộ suất thừa kế và phần tài sản của mình được chia cho ông Lê Anh Đ được trọn quyền sở hữu sử dụng. Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan bà Lê Thị Ngọc D1 cũng tự nguyện tặng cho toàn bộ định suất đất sản xuất được chia cho ông Đào được trọn quyền sử dụng. Xét sự tự nguyện định đoạt tài sản của bà Ch, bà D1 phù hợp với quy định tại Điều 3 của

Bộ luật dân sự - 2015, Điều 5 Bộ luật Tố tụng dân sự và không trái với đạo đức xã hội nên Tòa án chấp nhận.

[5] Từ những nhận định trên, HĐXX xét giao toàn bộ ngôi nhà gắn liền với thửa đất số hiệu 86, tờ bản đồ số 38, diện tích đo đạc thực tế $321,3\text{m}^2$ (trong đó có 200m^2 đất ở và $121,3\text{m}^2$ là đất trồng cây hàng năm khác) tại thôn Ph-G, xã C-Th, huyện Ph-C, tỉnh B-Đ cho ông Lê Anh Đ được trọn quyền sở hữu, sử dụng. Trong phần diện tích đất trồng cây hàng năm khác thuộc thửa đất nêu trên có $24,26\text{m}^2$ thuộc quyền sử dụng hợp pháp của ông Lê Anh D, nhưng không đủ điều kiện tách thửa theo Quyết định số 40/2014/QĐ-UBND ngày 25/12/2014 của UBND tỉnh Bình Định. Do vậy, Tòa án xét giao cho ông Đ được trọn quyền sử dụng và có nghĩa vụ trả lại cho ông D giá trị đất là 12.130.000 đồng.

Đối với các thửa đất sản xuất khác: Tòa án xét giao cho ông Lê Anh Đ trọn quyền sử dụng các thửa đất trồng lúa nước số hiệu 537 tờ bản đồ số 10, diện tích $435,9\text{m}^2$; thửa đất số hiệu 45, tờ bản đồ 13, diện tích $859,3\text{m}^2$ tại Ph-G, C-Th, Ph-C, B-Đ (theo các giấy chứng nhận quyền sử dụng đất do UBND huyện Phù Cát cấp cho hộ gia đình cụ Lê Công N ngày 12/11/2014; số vào sổ cấp GCN: CH 03771, CH 03772) và thửa đất số hiệu 373 tờ bản đồ 13, diện tích 1.050m^2 tại Ph-G, C-Th, Ph-C, B-Đ (thửa đất này chưa được gia hạn thời hạn sử dụng đất, cấp mới GCN quyền sử dụng đất).

Xét chia, giao cho ông Lê Anh D được trọn quyền sử dụng thửa đất trồng lúa số hiệu 48 tờ bản đồ số 13, diện tích 506m^2 tại thôn Ph-G, C-Th, Ph-C, B-Đ theo Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất do UBND huyện Phù Cát cấp cho hộ gia đình cụ Lê Công N ngày 12/11/2014; số vào sổ cấp GCN: CH 03773. Theo định suất đất sản xuất chia cho các thành viên trong hộ gia đình cụ N thì ông Lê Anh D được nhận $570,24\text{m}^2$. Ngoài thửa đất xét chia, giao cho ông D như đã nhận định trên thì ông Dũng còn thiếu $64,24\text{m}^2$, phần diện tích đất còn thiếu này không đủ điều kiện chia tách từ các thửa đất đã chia giao cho ông Đ chênh lệch thửa $64,24\text{m}^2$ nên Tòa án buộc ông Đ phải trả lại giá trị đất cho ông D là: 5.267.600 đồng ($64,24\text{m}^2 \times 82.000 \text{ đồng/m}^2$).

[6] Về án phí DSST và các chi phí tố tụng khác:

[6.1] Án phí DSST: Theo quy định tại khoản 1 Điều 147 của Bộ luật tố tụng dân sự, khoản 7 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc Hội khóa XIV.

- Buộc ông Lê Anh Đ phải chịu 16.820.300 đồng án phí chia thừa kế và chia tài sản chung ($196.127.178 \text{ đồng} + (46.759.680 \text{ đồng} \times 3) \times 5\%$);

- Buộc ông Lê Anh D phải chịu 2.944.480 đồng án phí dân sự chia tài sản chung ($46.759.680 \text{ đồng} + 12.130.000 \text{ đồng} \times 5\%$).

[6.2] Các chi phí tố tụng khác: Theo quy định tại Điều 157 của Bộ luật tố tụng dân sự, ông Lê Anh Đ và ông Lê Anh D phải chịu tiền chi phí đo đạc, định giá tài sản ngày 25/7/2023, tương ứng phần tài sản được chia. Tổng chi phí là

7.900.000 đồng nên ông Đ phải chịu 4/5 tương ứng 6.320.000 đồng; ông D phải chịu 1/5 tương ứng 1.580.000 đồng. Ông Đ ủy quyền cho bà Ch đã nộp tạm ứng 7.900.000 đồng và đã chi phí xong nên ông D phải hoàn lại cho ông Đ 1.580.000 đồng.

[7] Tại phiên tòa, ý kiến của Kiểm sát viên về hướng giải quyết vụ án là phù hợp với nhận định của HĐXX nên Tòa án chấp nhận.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

- Căn cứ vào khoản 5 Điều 26, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm c khoản 1 Điều 39, khoản 1 Điều 147, Điều 186, các Điều 264, 266, 267, 273, 280 của Bộ luật Tố tụng dân sự;

- Áp dụng các Điều 219, 609, 611, 612, 613, 624, 627, 628, 630, 631, 633, 635, 644 của Bộ luật dân sự - 2015.

- Áp dụng khoản 7 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc Hội khóa XIV.

Tuyên xử:

1. Chấp nhận một phần yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn ông Lê Anh Đ về việc phân chia tài sản thừa kế của cụ Lê Công N (chết ngày 30/8/2021) theo bản di chúc do cụ Lê Công N xác lập ngày 24/9/2013.

1.1. Giao toàn bộ ngôi nhà gắn liền với thửa đất số hiệu 86, tờ bản đồ số 38, diện tích đo đạc thực tế 321,3m² (trong đó có 200m² đất ở và 121,3m² là đất trồng cây hàng năm khác) tại tại thôn tại Ph-G, xã C-Th, huyện Ph-C, tỉnh B-Đ cho ông Lê Anh Đ được trọn quyền sở hữu, sử dụng.

1.2. Chia, giao cho ông Lê Anh Đ trọn quyền sử dụng các thửa đất trồng lúa số hiệu 537 tờ bản đồ số 10, diện tích 435,9m²; thửa đất số hiệu 45, tờ bản đồ 13, diện tích 859,3m² tại tại Ph-G, C-Th, Ph-C, B-Đ (theo các giấy chứng nhận quyền sử dụng đất do UBND huyện Phù Cát cấp cho hộ gia đình cụ Lê Công N ngày 12/11/2014; số vào sổ cấp GCN: CH 03771, CH 03772) và thửa đất số hiệu 373 tờ bản đồ 13, diện tích 1.050m² tại tại thôn Ph-G, xã C-Th, huyện Ph-C, tỉnh B-Đ (thửa đất này chưa được gia hạn thời hạn sử dụng đất, hoặc cấp mới GCN quyền sử dụng đất).

1.3. Chia, giao cho ông Lê Anh D được trọn quyền sử dụng thửa đất trồng lúa số hiệu 48 tờ bản đồ số 13, diện tích 506m² tại thôn tại Ph-G, xã C-Th, huyện Ph-C, tỉnh B-Đ theo Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất do UBND huyện Phù Cát cấp cho hộ gia đình cụ Lê Công N ngày 12/11/2014; số vào sổ cấp GCN: CH 03773.

1.4. Buộc ông Lê Anh Đ phải có nghĩa vụ trả lại cho ông Lê Anh D giá trị 24,26m² đất trồng cây hàng năm thuộc thửa đất số hiệu số hiệu 86, tờ bản đồ số

38 tại thôn tại Ph-G, xã C-Th, huyện Ph-C, tỉnh B-Đ là 12.130.000 đồng để được trọn quyền sử dụng diện tích đất nêu trên.

1.5. Buộc ông Lê Anh Đ phải có nghĩa vụ trả lại cho ông Lê Anh D giá trị diện tích đất trồng lúa nhận chênh lệch thừa 64,24m² là 5.267.600 đồng để được trọn quyền sử dụng diện tích đất nêu trên.

1.6. Buộc bà Nguyễn Thị Ngọc Ch, ông Lê Anh Đ phải giao lại cho ông Lê Anh D Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất đối với thửa đất trồng lúa số hiệu 48 tờ bản đồ số 13, diện tích 506m² tại thôn tại Ph-G, xã C-Th, huyện Ph-C, tỉnh B-Đ do UBND huyện Phù Cát cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất cho hộ gia đình cụ Lê Công N vào ngày 12/11/2014; số vào sổ cấp GCN: CH 03773 để ông D làm thủ tục đăng ký, chuyển quyền sử dụng đất.

2. Quyền và nghĩa vụ thi hành án dân sự:

2.1. Kể từ ngày người được thi hành án có đơn yêu cầu thi hành án mà người phải thi hành án không thi hành hoặc thi hành chưa đầy đủ số tiền trên thì hàng tháng còn phải trả tiền lãi chậm trả theo mức lãi suất quy định tại khoản 2 Điều 468 của Bộ luật dân sự (10%/năm) tương ứng với thời gian chậm thi hành án.

2.2. Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các điều 6, 7, 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 luật thi hành án dân sự.

3. Án phí DSST và các chi phí tố tụng khác:

3.1. Án phí DSST:

- Buộc ông Lê Anh Đ phải nộp 16.820.300 đồng án phí chia thừa kế và chia tài sản chung, được trừ 5.000.000 đồng tiền tạm ứng án phí ông Đ đã nộp theo biên lai thu số 0011863 ngày 08/3/2023 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Phù Cát, tỉnh Bình Định nên ông Đ phải tiếp tục nộp số tiền còn lại là 11.820.300 đồng.

- Buộc ông Lê Anh D phải nộp 2.944.480 đồng án phí dân sự chia tài sản chung.

3.2. Các chi phí tố tụng khác:

- Ông Lê Anh Đ phải chịu 6.320.000 đồng;

- Ông Lê Anh D phải chịu 1.580.000 đồng.

Ông Đ ủy quyền cho bà Ch đã nộp tạm ứng 7.900.000 đồng và đã chi phí xong nên ông D phải hoàn lại cho ông Đ 1.580.000 đồng.

4. Quyền kháng cáo: Đương sự hoặc người đại diện hợp pháp của đương sự có mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày tính từ ngày tuyên án.

*** Nơi nhận:**

- TAND tỉnh Bình Định
- VKSND huyện Phù Cát;
- THA DS huyện Phù Cát;
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ vụ án.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Ngô Đình Quyến